

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG HOÀNG SA- DỐC SỎI, (ĐOẠN QUA BÌNH TÂN PHÚ (CŨ)- ĐỢT 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Đông Sơn)

Họ và tên: hộ ông Trương Lý
Địa chỉ: xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
CCCD số: 051038002909

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/ Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
A	ĐẤT ĐAI (I+II)								402.530.400	
I	Bồi thường đất nông nghiệp								89.451.200	
1	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	1538	2	2877	1.558,20	m2	100	37.000	57.653.400	Đất khai hoang năm 1990
2	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	1540	2	1078	661,70	m2	100	37.000	24.482.900	
3	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	1565	2	811	197,70	m2	100	37.000	7.314.900	
II	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp								313.079.200	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	1538	2	2877	1.558,20	m2	100	129.500	201.786.900	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	1540	2	1078	661,70	m2	100	129.500	85.690.150	
3	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	1565	2	811	197,70	m2	100	129.500	25.602.150	
B	CÂY CỎI HOA MÀU								114.044.000	
	Phần bồi thường cây cối hoa màu									
1	Keo - Cây có đường kính gốc >2cm đến <= 4cm	1538	2	2877	118,00	cây	100	64.000	7.552.000	
2	Keo - Cây có đường kính gốc > 4cm đến <= 8cm				248,00	cây	100	90.000	22.320.000	
3	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm				372,00	cây	100	136.000	50.592.000	
4	Keo - Cây có đường kính gốc > 4cm đến <= 8cm	1540	2	1078	150,00	cây	100	90.000	13.500.000	
5	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm				108,00	cây	100	136.000	14.688.000	
6	Keo - Cây có đường kính gốc >2cm đến <= 4cm				80,00	cây	100	64.000	5.120.000	
7	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm	1565	2	811	2,00	cây	100	136.000	272.000	
TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ HỖ TRỢ (A+B+C)									516.574.400	

Bằng chữ: Năm trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy bốn nghìn, bốn trăm đồng

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/ Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	--------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
----	-------------	---------	-------	---------------------	-------------------------------	-----	--------------	----------------	-------------------	---------------

